

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Văn Phẩm.

2. Bà Nguyễn Thị Công Mừng.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 137/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐ-HPT ngày 26/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Trịnh Văn H kết hôn với nhau vào ngày 24/12/2010, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và cưới xong chị về nhà anh H làm dâu ngay, anh chị sống tại Thôn T, xã Q, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà

thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Gia đình họ hàng hai bên cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Chị và anh H ly thân từ tháng 10/2021 đến nay không còn hỏi thăm, liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn H.

Về con chung: Chị và anh Trịnh Văn H không có con chung nên chị không đề nghị Toà án giải quyết

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/6/2022 anh Trịnh Văn H trình bày:

Anh và Nguyễn Thị M kết hôn với nhau vào ngày 24/12/2010, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và cưới xong chị M về nhà anh làm dâu ngay, anh chị chung sống tại Thôn T, xã Q, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc. Đến khoảng 09/2021 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp, chị M cho rằng anh H có mối quan hệ tình cảm với người con gái khác và vợ chồng không cùng nhau phát triển kinh tế chung, chưa hiểu hết về nhau, tình cảm cũng lạnh nhạt dần, sau đó không còn quan hệ tình cảm vợ chồng nữa. Gia đình họ hàng hai bên cũng đã biết và hoà giải cho hai vợ chồng nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2021 đến nay ít còn liên lạc hỏi thăm nhau. Nay chị Nguyễn Thị M khởi kiện ly hôn anh, anh muốn cùng chị M nói chuyện với nhau sau đó mới quyết định ly hôn hay không.

Về con chung: Anh và chị M không có con chung, nên anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trịnh Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280, Điều 283 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều

53, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M: Cho chị Nguyễn Thị M ly hôn với anh Trịnh Văn H.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn với anh Trịnh Văn H. Hiện nay anh Trịnh Văn H có hộ khẩu thường trú tại tổ Thôn T, xã Q, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trịnh Văn H được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị M theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Trịnh Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/2010. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Nguyễn Thị M vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tình cảm ngày một lạnh nhạt. Anh Trịnh Văn H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, chưa hiểu hết về nhau, chị M nghi ngờ anh có quan hệ với người con gái khác, nhưng anh H vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ vì anh vẫn còn tình cảm với chị M và anh muốn nói chuyện với chị M sau đó mới quyết định việc ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh H mâu thuẫn là có thật, việc vợ chồng không có cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng hiện nay đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Trịnh Văn H.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Trịnh Văn H không có con chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.2] Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Trịnh Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280, Điều 283 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M: Cho chị Nguyễn Thị M ly hôn với anh Trịnh Văn H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số 0010707 ngày 07 tháng 4 năm 2022.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Văn Thế